

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SL
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST

Ngày: 25 - 4 - 2024

V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SL, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Thanh Liêm

2. Bà Bò Thị Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 4 năm 2024 và ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2023/TLST-KDTM, ngày 21 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-KDTM ngày 18/03/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2024/QĐST-KDTM ngày 11/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (viết tắt là Vietinbank); địa chỉ trụ sở chính: Số 108 THĐ, phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Văn N - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sơn La (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2023). Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Tổ 11, phường CL, thành phố SL, tỉnh Sơn La. (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam HT – thành phố CL, tỉnh Hải Dương). Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Văn T, sinh năm: 1959. Nơi đăng ký HKTT: Tổ 11, phường CL, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký hộ khẩu tạm trú: Bản Pát, xã CN, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Anh Vũ Gia L, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Tổ 11, phường CL, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa ngày 11/4/2024, vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/4/2024.

Chị Vũ Thị Huyền T, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Tổ 14, phường Quyết Thắng, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 22/07/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La và bà Nguyễn Thị T ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số: 30.91/2020-HĐCVHM/NHCT190 với nội dung của hợp đồng như sau: Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo từng thời kỳ, tần suất điều chỉnh 1 tháng/1 lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn duy trì hạn mức là: 12 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gạo, đỗ, ngô giống, thóc giống, vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi...

Bằng việc ký kết hợp đồng vay tiền nói trên, bà Nguyễn Thị T xác nhận đồng ý chấp nhận các điều khoản và điều kiện tại “Điều kiện, điều khoản chung” về cho vay và thế chấp các tài sản để bảo đảm cho khoản vay, gồm:

Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số N613806 do ủy ban nhân dân Thị xã SL (nay là thành phố SL) cấp ngày 25/12/1998. Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00383 QSDĐ/ QĐ số 348 ngày 25/12/1998 mang tên chủ hộ ông Vũ Văn T, ký kết theo Hợp đồng thế chấp số 30.91/2020/HĐBĐ/NHCT190 ngày 22/07/2020, số công chứng 1816, quyển số: 11/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng cầm Hà Công. Giao dịch bảo đảm đã được đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố SL ngày 22/07/2020.

Tài sản 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN131442. Sổ vào sổ cấp GCN: CS00056 Quyết định số: 916/QĐ-VPĐKĐĐ mang tên bà Nguyễn Thị T do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La cấp ngày 23/07/2020, ký kết theo Hợp đồng thế chấp số 30A.91/2020/HĐBĐ/NHCT190 ngày 28/07/2020, số công chứng 1884, quyển số: 11 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Cầm Hà Công. Giao dịch bảo đảm đã được đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố SL ngày 28/07/2020.

Sau khi ký kết, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân 05 lần cho bà Nguyễn Thị T theo các Giấy nhận nợ đã xác lập, tính đến hết ngày 24/06/2021, bà Nguyễn Thị T thực hiện việc trả gốc lãi đầy đủ, nhưng kể từ ngày 25/06/2021, bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng đã có thông báo chấm dứt cho vay đối với bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng cho vay. Từ ngày 29/06/2021 đến ngày 05/11/2021, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bà

Nguyễn Thị T và chồng là ông Vũ Văn T với nội dung: Yêu cầu bà T trả nợ cho Ngân hàng theo như cam kết, đồng thời Ngân hàng cũng đã gửi các thông báo đến bà T để yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận tại các hợp đồng bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ, bà T chấp nhận vô điều kiện cho Ngân hàng toàn quyền chủ động quyết định phương thức xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo nội dung các hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa hai bên. Đến ngày 06/12/2021, bà Vũ Thị Huyền T (con đẻ bà Nguyễn Thị T) đã thay mặt bà T trả 1.500.000.000đ (một tỷ, năm trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và được Ngân hàng chấp thuận.

Sau đó, Ngân hàng tiếp tục gửi các thông báo đến bà T và các bên liên quan về việc trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm còn lại để thu hồi khoản nợ, tuy nhiên, bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Văn T (chồng bà Nguyễn Thị T) không thực hiện việc trả nợ, cũng không tự xử lý bán tài sản để trả nợ hoặc giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo thỏa thuận tại các Hợp đồng thế chấp.

Nay, Ngân hàng có đơn khởi kiện với nội dung: Đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán toàn bộ số nợ vay bao gồm nợ gốc và nợ lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/03/2023 là: 4.318.547.347 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ ba trăm mười tám triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 3.500.000.000đ.
- Nợ lãi quá hạn: 573.322.086đ.
- Nợ lãi phạt quá hạn: 245.225.261đ.

Đồng thời, yêu cầu bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng đã ký sau ngày 21/03/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà Bà Nguyễn Thị T không trả nợ đầy đủ được số nợ vay nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Ngày 22/07/2020, bà Nguyễn Thị T có được ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số: 30.91/2020-HĐCVHM/NHCT190 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, nội dung của hợp đồng như nguyên đơn đã trình bày, ký kết trên cơ sở tự nguyện xuất phát từ mục đích muốn vay tiền để kinh doanh vật tư nông nghiệp. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng tiến hành giải ngân cho bà trên cơ sở Giấy nhân nợ và bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đúng theo thời hạn quy định. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên sau một thời gian, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà T xác định số tiền vay nợ và thời gian vi phạm nghĩa vụ đúng như trình bày của Ngân hàng. Ở thời điểm hiện tại, bà đang chấp hành án tại trại giam nên không có khả năng trả nợ, bà đề nghị Ngân hàng cho bà được trả nợ dần, trường hợp không thể trả được nợ, đề nghị Tòa án tuyên bố Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc phát mại tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T trình bày:*

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, ông T ốm đi viện về nên ông không nắm được việc vay nợ Ngân hàng của bà T, ông nghĩ rằng con gái ông mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng lấy tiền xây nhà. Khi ký kết hợp đồng, chỉ có mặt ông T và nhân viên ngân hàng. Ông T cho rằng trình tự thủ tục ký kết hợp đồng như vậy là sai, không đúng quy định. Sau đó, ông T mới phát hiện ra bà T mới là người vay, chứ không phải là con gái ông vay để xây nhà.

Quá trình Ngân hàng thúc nợ, bản thân ông T đã vay mượn bạn bè người thân 2.5000.000.000đ để trả nợ cho ngân hàng để trả nợ, nhưng cán bộ ngân hàng không nhận và bảo tôi đi về. Hiện nay, Ngân hàng khởi kiện, ông T có nguyện vọng đề nghị Ngân hàng giảm toàn bộ tiền nợ lãi cho bà T, bản thân ông T sẽ giao đất cho Ngân hàng để Ngân hàng bán, sau khi bán được đất, Ngân hàng giữ lại 3.500.000.000đ tiền nợ gốc, còn lại bao nhiêu yêu cầu Ngân hàng trả lại cho ông T.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Gia L trình bày:*

Việc vay nợ giữa bà T và Ngân hàng, anh L không nắm được nhưng được ký tại hợp đồng ủy quyền cho ông T và bà T thực hiện việc ký kết Hợp đồng thế chấp số 30.91/2020/HĐBĐ/NHCT190 ngày 22/07/2020 đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11/SĐ tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N613806 do Ủy ban nhân dân thị xã Sơn La (nay là thành phố SL) cấp, số vào sổ 00383 QSDĐ/QĐ số 348 ngày 25/12/1998, cấp cho hộ gia đình ông Vũ Văn T. Anh nhất trí để bà T sử dụng Quyền sử dụng mảnh đất trên để thế chấp với ngân hàng, trường hợp bà T không trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Huyền T trình bày:*

Chị Vũ Thị Huyền T nhất trí với trình bày của nguyên đơn chị T được ký hợp đồng ủy quyền cho ông T và bà T thực hiện việc ký kết Hợp đồng thế chấp số 30.91/2020/HĐBĐ/NHCT190 ngày 22/07/2020 đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11/SĐ tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N613806 do Ủy ban nhân dân thị xã Sơn La (nay là thành phố SL) cấp, số vào sổ 00383 QSDĐ/QĐ số 348 ngày 25/12/1998, cấp cho hộ gia đình ông Vũ Văn T. Đến ngày 06/12/2021, chị đã làm thủ tục nộp vào Ngân hàng 1.500.000.000đ để trả khoản nợ gốc cho bà T, chị nhất trí để bà T sử dụng tài sản mà chị đã ký ủy quyền cho bà T ông T ký Hợp đồng thế chấp làm tài sản bảo đảm để thế chấp với Ngân hàng, trường hợp bà T không trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với 02 tài sản bảo đảm, kết quả như sau:

Tại thửa đất số 11b, 11b1; tờ bản đồ số 55 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN131442. Số vào sổ cấp GCN: CS00056 Quyết định số: 916/QĐ-VPĐKĐĐ mang tên bà Nguyễn Thị T do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La cấp ngày 23/07/2020, địa chỉ tại: Bản Híp, xã CN, thành phố SL, tỉnh Sơn La, có tổng diện tích 235,2m², trong đó: đất ở tại nông

thôn: 100m², đất trồng cây lâu năm: 135,2m², có tứ cận như sau: phía Bắc giáp đường Nguyễn Văn C, phía nam giáp nhà ông Cà Văn T, phía Tây giáp nhà ông Đèo Văn Ch, phía đông giáp nhà ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Đ.

Tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11/SĐ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số N613806. Sổ vào sổ cấp GCN: 00383 QSDĐ, Quyết định số: 348 ngày 25/12/1998 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Sơn La (nay là thành phố SL) cấp cho hộ ông Vũ Văn T, địa chỉ tại: Bản Pát, xã CN, thành phố SL, tỉnh Sơn La, có tổng diện tích 23.014,7m², trong đó: đất ở tại nông thôn: 400m², đất trồng cây lâu năm: 22.614,7m², có tứ cận như sau: phía Bắc giáp nhà ông Tùng, phía nam giáp đường dân sinh, phía Tây giáp nhà ông Tùng, phía đông giáp nhà ông Dịch.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản cho bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên, do bị đơn bà Nguyễn Thị T hiện đang chấp hành án tại trại giam, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Gia L và chị Vũ Thị Huyền T đều có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án cũng như phiên xét xử, Ngân hàng có đơn xin không tiến hành hòa giải, do đó, Tòa án tiến hành phiên công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa ngày 11/4/2024, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung số tiền đề nghị bà T thanh toán số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 4.765.012.851đ, trong đó, nợ gốc là 3.500.000.000đ, nợ lãi quá hạn là 870.965.922đ, nợ lãi phạt là 394.046.929đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T không nhất trí với số liệu đo đạc do Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ tiến hành ngày 16/10/2023, đề nghị Tòa án thu thập thêm tài liệu chứng cứ là trích bản đồ đo đạc của Thành phố SL để đối chiếu, Tòa án nhân dân thành phố SL đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã CN, thành phố SL, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa ngày 25/4/2024, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung số tiền đề nghị bà T thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/4/2024) là: 4.781.122.431đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T sau khi được Tòa án giải thích về quyền được yêu cầu xem xét thẩm định lại và trích bản vẽ sơ đồ thửa đất do ông T đang quản lý tại bản Pát xã CN, thành phố SL, tỉnh Sơn La thì không có ý kiến gì thêm và nhất trí với số liệu đo đạc ngày 16/10/2023 do Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ tiến hành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Thư ký Tòa án được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án; thực hiện thu thập và giao nhận, công khai chứng cứ đầy đủ, đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về các nguyên tắc xét xử, thành phần, trình tự thủ tục xét xử sơ thẩm.

- Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, 227, 228, 244, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 117, 119, 292, 307, 319, 320, 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ (tính đến ngày 25/4/2024) là: **4.781.122.431đ** theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 30.91/2020-HĐCVHM/NHCT190 đã ký ngày 22/7/2020, trong đó, nợ gốc là **3.500.000.000đ** (ba tỷ, năm trăm triệu đồng), nợ lãi quá hạn là **881.705.648đ** (tám trăm tám mươi một triệu, bảy trăm linh năm nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng), lãi phạt là **399.416.783đ** (ba trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bảy trăm tám mươi ba đồng).

Trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp thuộc sở hữu của bị đơn. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, bà Nguyễn Thị T vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án phát sinh từ hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (viết tắt là Viettinbank) và bị đơn bà Nguyễn Thị T, bị đơn có địa chỉ cuối cùng tại: Tổ 11, phường CL, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã được triệu tập hợp lệ nhưng do đang chấp hành án tại trại giam nhưng đã có bản tự khai cũng như đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên xét xử của Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Gia L và chị Vũ Thị Huyền T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngày 05/02/2024, Tòa án lập biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được, thực hiện gửi

thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Sau phiên họp, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiếp tục hòa giải nữa, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã thông báo về việc vụ án không thuộc trường hợp tiến hành hòa giải do có yêu cầu của nguyên đơn, ra quyết định đưa Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 11/4/2024, mặc dù đã có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Vũ Gia L có mặt tại phiên tòa, nhưng tại phiên tòa ngày 25/4/2024, anh Vũ Gia L vắng mặt. Bởi các lẽ trên, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Gia L, chị Vũ Thị Huyền T.

[3] Về phạm vi khởi kiện:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/03/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là: 4.318.547.347 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ ba trăm mười tám triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng) (tạm tính đến ngày 20/3/2023), trong đó bao gồm: Dư nợ gốc: **3.500.000.000đ** và lãi theo hợp đồng: **818.547.347đ**. Tại phiên tòa ngày 25/4/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi (tính đến ngày 25/4/2024) là **4.781.122.431đ** theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 30.91/2020-HĐCVHM/NHCT190 đã ký ngày 22/7/2020, trong đó, nợ gốc là **3.500.000.000đ** (ba tỷ, năm trăm triệu đồng), nợ lãi quá hạn là **881.705.648đ** (tám trăm tám mươi một triệu, bảy trăm linh năm nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng), lãi phạt là **399.416.783đ** (ba trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bảy trăm tám mươi ba đồng).

Xét việc Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền nợ gốc (giữ nguyên theo đơn khởi kiện) và tiền lãi suất thay đổi theo ngày (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là đúng theo quy định của pháp luật và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tính hiệu lực của hợp đồng:

Ngày 22/7/2020, bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng) đã cùng ký kết hợp đồng cho vay số 30.91/2020-HĐCVHM/NHCT190 về việc cấp hạn mức vay vốn cho bà Nguyễn Thị T với Hạn mức cho vay: 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng); Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo từng thời kỳ, tần suất điều chỉnh 1 tháng/1 lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn duy trì hạn mức là: 12 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gạo, đỗ, ngô giống, thóc giống, vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi. Trên cơ sở Hợp đồng cho vay này, hai bên tiến hành ký kết 03 hợp đồng thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị T, chị Vũ Thị Huyền T và hộ gia đình ông Vũ Văn T, trên cơ sở đề nghị và Giấy nhận nợ mà bà T đã nộp cho Ngân hàng, Ngân hàng tiến hành giải ngân cho bà T 5 lần với tổng số tiền là 8.560.000.000đ. Quá trình vay nợ, bà T đã thanh toán được tổng số tiền gốc là 5.060.000.000đ, còn nợ lại 3.500.000.000đ tiền nợ gốc.

Thời gian đầu sau khi ký kết hợp đồng, bà T được giải ngân và thực hiện việc trả nợ gốc và lãi định kỳ đầy đủ. Tuy nhiên, đến thời điểm giữa năm 2021, bà T không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nữa, xét biên bản làm việc ngày 29/6/2021 và ngày 05/11/2021 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Văn T, tính đến ngày 05/11/2021, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 5.000.000.000đ. Đến ngày 06/12/2021, sau khi chị Vũ Thị Huyền T nộp khoản tiền 1.500.000.000đ vào Ngân hàng để trả nợ cho khoản nợ gốc của bà T, giữa Ngân hàng và bà T không đưa ra được căn cứ gì thêm về việc bà T đã thanh toán thêm khoản nợ nào khác, do đó, đối với số tiền Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán là hợp lý.

Như vậy, việc các bên xác lập quan hệ vay tài sản trên là hoàn toàn tự nguyện, dựa trên ý chí của các bên tham gia hợp đồng, không bị lừa dối, giả tạo và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Nội dung của hợp đồng ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về mục đích, nội dung và hình thức được quy định tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp, do đó, các hợp đồng trên đều có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Việc không thanh toán khoản nợ của bà Nguyễn Thị T trong một khoảng thời gian dài, thấy rằng bà đã vi phạm thỏa thuận về thời hạn trả nợ như đã ký kết trong hợp đồng, do đó Ngân hàng chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ, tính đến thời điểm ngày 25/4/2024, bà Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: **4.781.122.431đ** (bốn tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng), trong đó, nợ gốc là **3.500.000.000đ** (ba tỷ, năm trăm triệu đồng), nợ lãi quá hạn là **881.705.648đ** (tám trăm tám mươi một triệu, bảy trăm linh năm nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng), lãi phạt là **399.416.783đ** (ba trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bảy trăm tám mươi ba đồng) là có căn cứ cần được chấp nhận toàn bộ.

[5] Ông Vũ Văn T cho rằng, quá trình ký kết hợp đồng giữa các bên thực hiện không đúng quy trình và bản thân ông không ký ủy quyền cho bà T thì bà T không được phép đề nghị giải ngân tại Ngân hàng. Xét thấy, việc ký kết hợp đồng đều có đầy đủ chữ ký của các bên và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mặt khác, sau khi bà T không đủ khả năng trả nợ, Ngân hàng đã tiến hành làm việc với bà T, ông T và ông bà đều ký vào các biên bản làm việc với Ngân hàng về nội dung nhất trí cho Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm, chứng tỏ ông T biết việc vay nợ của bà T và nhất trí với việc xử lý tài sản bảo đảm mang tên ông. Việc ông cho rằng ông không ủy quyền thì bà T không được đề nghị giải ngân tại ngân hàng là không đúng, bởi lẽ tại hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên có nội dung: “bà T có quyền nhận nợ bất kỳ lúc nào không phụ thuộc vào ủy quyền của người ký thế chấp” do đó, căn cứ của ông T đưa ra là không hợp lý nên không được Tòa án chấp nhận.

[6] Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng cho vay hạn mức và trong trường hợp bị đơn không trả được nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo 02 hợp đồng thế chấp tài sản đã ký.

Đối với 02 Hợp đồng thế chấp tài sản Ngân hàng đã ký với bà Nguyễn Thị T được

các bên tự nguyện ký kết, các hợp đồng trên đều được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại số tài sản nêu trên là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay đã ký giữa các bên, phù hợp quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thứ tự ưu tiên phát mại tài sản, tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T đề nghị, trường hợp Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp thì ưu tiên phát mại đối với tài sản là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số N613806 do ủy ban nhân dân Thị xã Sơn La (nay là thành phố SL) cấp ngày 25/12/1998. Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00383 QSDĐ/ QĐ số 348 ngày 25/12/1998 mang tên chủ hộ ông Vũ Văn T, vì ông cho rằng phát mại tài sản trên sẽ đủ để trả toàn bộ khoản nợ cho bà T. Xét việc ông T và bà T là hai vợ chồng, nay bà T không có khả năng trả nợ, ông T chủ động đề nghị Ngân hàng phát mại tài sản mang tên chủ hộ là ông trước để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Do đó, trường hợp Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thì cần ưu tiên phát mại tài sản là: Quyền sử dụng đất số N613806 do ủy ban nhân dân Thị xã SL (nay là thành phố SL) cấp ngày 25/12/1998. Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00383 QSDĐ/ QĐ số 348 ngày 25/12/1998 mang tên chủ hộ ông Vũ Văn T trước.

[7] Việc ông T cho rằng ông sẵn sàng giao đất cho Ngân hàng phát mại nhưng phải được giá như ông mong muốn và sau khi thanh toán xong khoản nợ gốc (không bao gồm khoản nợ lãi) cho bà T thì Ngân hàng phải trả lại cho ông số tiền thừa, đại diện Ngân hàng cho rằng ông T hoàn toàn có thể xin giảm lãi sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Xét thấy, việc phát mại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án có thẩm quyền, các bên hoàn toàn có thể thỏa thuận với nhau trong quá trình thi hành án, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 20.000.000đ. Số tiền thực tế đã chi phí hết tổng cộng là 16.800.000đ, còn 3.200.000đ, đã trả lại cho Ngân hàng. Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tài sản tại chỗ là phù hợp với Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng Dân sự, nguyên đơn không phải chịu chi phí tố tụng.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 165, 166, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, 119, 292, 351, 357, 388, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (viết tắt là Vietinbank): Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ (tính đến ngày 25/4/2024) là: **4.781.122.431đ** (bốn tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng), trong đó, nợ gốc là **3.500.000.000đ** (ba tỷ, năm trăm triệu đồng), nợ lãi quá hạn là **881.705.648đ** (tám trăm tám mươi một triệu, bảy trăm linh năm nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng), lãi phạt là **399.416.783đ** (ba trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bảy trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 30.91/2020-HĐCVHM/NHCT190 ngày 22/7/2020 cho đến khi thanh toán nợ xong.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 30.91/2020/HĐBĐ/NHCT190 ngày 22/07/2020 và Hợp đồng thế chấp số 30A.91/2020/HĐBĐ/NHCT190 ngày 28/07/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong đó, ưu tiên phát mại tài sản tại Hợp đồng thế chấp số 30.91/2020/HĐBĐ/NHCT190 ngày 22/07/2020 trước.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, bà Nguyễn Thị T vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam cho đến khi hết nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam toàn bộ chi phí tố tụng là **16.800.000đ** (mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là **112.781.000đ** (một trăm mười hai triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số tiền **56.159.000đ** (năm mươi sáu triệu, một trăm năm mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số

AA/2021/0002707 ngày 31/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố SL, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Huyền T, anh Vũ Gia L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố SL;
- Chi cục THADS thành phố SL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lò Thị Mai Hương

